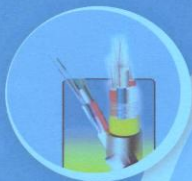




**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
VÀ PHÁT TRIỂN Hạ TẦNG VIỄN THÔNG**

CONSTRUCTION INVESTMENT AND TELECOMMUNICATIONS INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY



# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016**

Địa chỉ: Đường Phan Bội Châu, phường Tân Thạnh, TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam

Điện thoại: 0510.3811811 - 3811777 - Fax: 0510.3811999

Website: [www.qtc.vn](http://www.qtc.vn) - Email: [ceo@qtc.com.vn](mailto:ceo@qtc.com.vn)

## MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG .....	2
1. Thông tin khái quát: .....	2
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh: .....	3
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý: .....	3
3.1. Mô hình quản trị.....	3
3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý.....	4
4. Định hướng phát triển: .....	4
5. Các rủi ro:.....	6
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	6
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh: .....	6
2. Tổ chức và nhân sự: .....	7
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án trong năm 2016: .....	16
4. Tình hình tài chính: .....	17
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: .....	18
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....	20
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh .....	20
2. Tình hình tài chính .....	21
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:.....	21
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai: .....	22
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán .....	22
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty .....	22
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	24
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:.....	24
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty: .....	24
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:.....	25
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY .....	26
1. Hội đồng quản trị: .....	26
2. Ban Kiểm soát:.....	27
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát: .....	31
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH .....	32
1. Ý kiến kiểm toán:.....	32
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:.....	33

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN****Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN****HẠ TẦNG VIỄN THÔNG****Năm báo cáo: Năm 2016****I. THÔNG TIN CHUNG****1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4000364082 đăng ký lần đầu ngày 25/01/2002, Đăng ký thay đổi lần thứ 15, ngày 21/4/2016.
- Vốn điều lệ: **15.000.000.000 VND** (Mười lăm tỷ đồng).
- Vốn chủ sở hữu: **23.857.982.026 VND** (Hai mươi ba tỷ, tám trăm năm mươi bảy triệu, chín trăm tám mươi hai nghìn, không trăm hai mươi sáu đồng).
- Địa chỉ: Đường Phan Bội Châu, Phường Tân Thành, Tp Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam.
- Số điện thoại : 0510.3811 811
- Số fax : 0510.3811 999
- Website : <http://www.qtc.vn>
- Mã cổ phiếu : **QCC**

**\* Quá trình hình thành và phát triển:**

- ↕ Năm 2002: Ngày 25/01/2002, Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam (QTC) được thành lập.
- ↕ Năm 2003: Ngày 08/10/2003 nâng vốn điều lệ của Công ty từ 3,5 tỷ đồng lên 5 tỷ đồng.
- ↕ Năm 2006: Ngày 25/05/2006 nâng vốn điều lệ của Công ty từ 5 tỷ đồng lên 7 tỷ đồng.
- ↕ Năm 2007: Ngày 24/05/2007 nâng vốn điều lệ của Công ty từ 7 tỷ đồng lên 15 tỷ đồng.
- ↕ Năm 2008: Ngày 18/01/2008, Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam được Cục sở hữu trí tuệ chứng nhận nhãn hiệu được bảo hộ Logo "QTC".
- ↕ Năm 2010: Ngày 06/10/2010, cổ phiếu QCC của Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam chính thức giao dịch trên sàn Hà Nội (HNX) theo Thông báo số 906/TB-SGDHN ngày 29/09/2010.
- ↕ Năm 2014:
  - ✓ Ngày 29/04/2014, Sở GDCK Hà Nội có Quyết định số 212/QĐ-SGDHN về việc hủy niêm yết cổ phiếu QCC do Tổ chức kiểm toán có ý kiến không chấp thuận đối với Báo cáo tài chính năm 2013 của công ty, thuộc diện hủy niêm yết theo qui định tại Điểm h, Khoản 1, Điều 60 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012.

- ✓ Ngày 26/05/2014, cổ phiếu QCC chính thức hủy niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- ✓ Ngày 30/5/2014, cổ phiếu QCC của Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam được chấp thuận đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 286/QĐ-SGDHN.
- ✓ Ngày 06/6/2014, cổ phiếu QCC của Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam chính thức giao dịch trên sàn Upcom thuộc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Thông báo số 487/TB-SGDHN ngày 30/5/2014.
- ✦ Năm 2016: Ngày 21/4/2016 đổi tên từ Công ty cổ phần Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam thành tên Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông.

\* **Các mốc sự kiện khác:**

Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông (QTC) có những bước phát triển sáng tạo, đột phá, đóng góp lớn trong việc cung cấp các dịch vụ cho các mạng lưới viễn thông và các ngành nghề khác. Công ty QTC đã được UBND tỉnh Quảng Nam, Tập đoàn VNPT tặng nhiều danh hiệu: Cờ thi đua của Tập đoàn VNPT (2003, 2005, 2016); Cờ thi đua của UBND tỉnh Quảng Nam (2004); Bằng khen của UBND tỉnh Quảng Nam (2002, 2003, 2008, 2009, 2014); Bằng khen của Tập đoàn VNPT (2004, 2006, 2007, 2015).

2. **Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

- \* Ngành nghề kinh doanh (*Nếu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất*):
  - Thi công các công trình xây lắp bưu chính- viễn thông, cơ, điện và điện lạnh, công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, các công trình về phát thanh, truyền hình.
  - Kinh doanh nhà, đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng, nhà đất
- \* Địa bàn kinh doanh (*Nếu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất*): tỉnh Quảng Nam, Tp Đà Nẵng, tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Khánh Hòa.

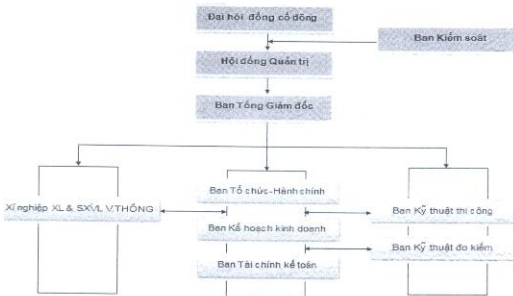
3. **Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**

3.1 Mô hình quản trị.

- + **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

- + **Ban kiểm soát:** Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.
- + **Tổng giám đốc:** Tổng giám đốc điều hành Công ty là người Đại diện theo pháp luật của Công ty trong việc điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng giám đốc điều hành Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm. Tổng giám đốc điều hành Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- + **Phó Tổng giám đốc:** Các Phó Tổng giám đốc điều hành Công ty giúp việc cho Tổng giám đốc điều hành điều hành mọi hoạt động của Công ty trong các lĩnh vực theo sự phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc điều hành, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc điều hành Công ty và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.
- + **Các Ban chức năng:** Do Hội đồng quản trị thành lập trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc điều hành, các Ban chịu trách nhiệm thực hiện và tham mưu cho Tổng giám đốc điều hành các công việc thuộc phạm vi chức năng của Ban, đồng thời phối hợp với các đơn vị trực thuộc trong việc thực hiện mục tiêu và chiến lược chung của Công ty.

3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý.



3.3. Các công ty con, công ty liên kết: **Không có**

4. Định hướng phát triển:

Năm 2017, Công ty tiếp tục thực hiện các công trình xây lắp chuyên ngành Viễn thông ngày càng chuyên nghiệp và tinh gọn bộ máy, mở rộng các lĩnh vực sản xuất sản phẩm

dựa trên cơ sở hạ tầng hiện có đối với các sản phẩm ngoài chuyên ngành Viễn thông như: Ngành xây dựng dân dụng, giao thông, thủy lợi... phối hợp với một số doanh nghiệp khác đầu tư kinh doanh các dự án hạ tầng, bất động sản... nhằm giữ vững tốc độ tăng trưởng lợi nhuận ròng trên 10% vốn cố định.

Chiến lược và kế hoạch phát triển nguồn nhân lực: Tiếp tục sắp xếp, củng cố và nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức, tác phong và lề lối làm việc của đội ngũ cán bộ nhân viên, lấy đó làm nền tảng cho kế hoạch phát triển dài hạn của đơn vị.

Lĩnh vực thi công xây lắp: Trong chiến lược chuyển dần Công ty sang hoạt động đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng. Công ty xác định sẽ tiếp tục duy trì ở mức phù hợp lĩnh vực truyền thống là hoạt động xây lắp ngành viễn thông, tạo tiền đề vững chắc cho hoạt động khác của Doanh nghiệp.

Lĩnh vực xây dựng dân dụng và hạ tầng kỹ thuật: Tham gia triển khai các dự án hạ tầng vừa và nhỏ tại Quảng Nam, cụ thể: Xây dựng CSHT các trạm phát sóng, Trường học, giao thông liên xã ...

Lĩnh vực hoạt động tài chính: Tham gia các dự án liên doanh đối với các Công ty đang hoạt động hiệu quả hoặc góp vốn vào các dự án hạ tầng nhằm bổ sung lợi nhuận của Công ty.

#### ↓ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Phần đầu hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm.

Không ngừng khẳng định thương hiệu QTC trên thị trường khu vực Miền Trung và Tây Nguyên.

Tạo đủ việc làm cho người lao động, mức thu nhập được tăng trưởng ổn định.

Mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo hướng đa dạng hóa sản phẩm kinh doanh, tăng giá trị doanh nghiệp.

Tiếp tục đổi mới nâng cao khả năng Quản trị doanh nghiệp, với phương châm theo kịp trình độ phát triển của khu vực.

Bên cạnh việc thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước phải luôn quan tâm chăm lo đến lợi ích của người lao động, lợi ích của các cổ đông bao gồm cả lợi ích kinh tế và lợi ích xã hội. Tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội, các hoạt động vì lợi ích cộng đồng.

#### ↓ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Tiếp tục duy trì ổn định và phát triển sản xuất các sản phẩm dịch vụ truyền thống, các sản phẩm dịch vụ đang có thị trường.

Đầu tư phát triển các sản phẩm mới theo nhu cầu của thị trường

Đầu tư tăng năng lực sản xuất, cải thiện nâng cao chất lượng sản phẩm.

Liên danh, liên kết để hợp tác kinh doanh

36  
MC  
OP  
UP  
PHI  
HA  
HIEP  
/C

4. **Các mục tiêu phát triển bền vững** (Môi trường, xã hội và công đồng) và chương trình liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

Công ty QTC luôn đảm bảo vệ sinh, an toàn môi trường xung quanh nơi diễn ra hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Quan hệ tốt, gắn gũi với cộng đồng, dân cư nơi có các công trình đang thi công. Công ty cung cấp môi trường sống hiện đại, thân thiện, hòa hợp với thiên nhiên đối với dự án bất động sản đang hoạt động.

#### 5. Các rủi ro:

- + Trong hoạt động xây lắp: Thời gian thi công của các công trình thường kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần. Hiện nay, việc giải ngân vốn thường chậm. Quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian. Do vậy, đã có những ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình tài chính của các Công ty xây lắp nói chung và Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông nói riêng, đặc biệt là các khoản công nợ phải thu từ phía khách hàng.
- + Rủi ro khác: Rủi ro bất khả kháng như thiên tai, bão lũ...có thể gây ảnh hưởng đến các công trình xây dựng mà Công ty tham gia, như làm chậm tiến độ hoặc gây thiệt hại. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng đều gây tác động xấu đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:  
Trong năm kế hoạch, đơn vị kiến trì thực hiện theo các mục tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 thông qua. Không có sự thay đổi lớn về chiến lược kinh doanh, cơ cấu sản phẩm, thị trường. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2016 có chỉ tiêu đạt và một số chỉ tiêu không đạt mục tiêu so với kế hoạch đặt ra.
- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2015	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	% Thực hiện	
						So với KH 2016	So với năm 2015
1	2	3	4	5	6	7=6/5	8=6/4
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	21.982	25.200	31.152	123,62	141,72
2	Nộp ngân sách nhà nước	Tr.đồng	2.435	1.860	2.879	154,78	118,23
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	2.122	3.000	2.722	90,73	128,28
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	1.514	2.400	2.184	91,00	144,25



Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2015	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	% Thực hiện	
						So với KH 2016	So với năm 2015
1	2	3	4	5	6	7=6/5	8=6/4
5	Tỷ suất cố tức	%	9	10	10	100,00	111,11
6	Thu nhập bình quân người/tháng	Tr.đồng	5,615	5,500	6,63	120,55	118,08

**2. Tổ chức và nhân sự:**

- Danh sách Ban điều hành: Tính đến ngày 31/12/2016

**+ Hội đồng quản trị:**

Ông Nguyễn Việt Hà Chủ tịch HĐQT

Ông Trần Hoài Thanh Phó chủ tịch HĐQT

Ông Lưu Văn Minh Thành Ủy viên HĐQT

Ông Trần Như Hoàng Ủy viên HĐQT

Ông Châu Quang Trịnh Ủy viên HĐQT

Số thành viên độc lập không tham gia điều hành trực tiếp Công ty là **03** người:

Ông Nguyễn Việt Hà, Ông Trần Như Hoàng và Ông Châu Quang Trịnh.

**+ Ban kiểm soát:**

Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc Trưởng Ban kiểm soát

Bà Phạm Thị Phương Thảo Ủy viên Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Trí Bảy Ủy viên Ban kiểm soát

**+ Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng:**

Ông Trần Hoài Thanh Tổng giám đốc

Ông Lưu Văn Minh Thành Phó Tổng giám đốc

Bà Nguyễn Thị Hoài Nhân Kế toán trưởng

- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong HĐQT, BKS, Ban điều hành:

**+ Ông Nguyễn Việt Hà – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty**

Giới tính : Nam  
 Ngày tháng năm sinh : 31/12/1969  
 CMND số : 205659807; cấp ngày 15/08/2009; Công an tỉnh Quảng Nam cấp.  
 Dân tộc : Kinh  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Địa chỉ thường trú : Khố phố 4 An Xuân, Tam Kỳ, Quảng





	Nam;
Chỗ ở hiện tại	: Khối phố 4 An Xuân, Tam Kỳ, Quảng Nam;
	Nam;
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Thạc sĩ Điện tử viễn thông.
Chức vụ công tác hiện nay tại đơn vị khác	: Phó Giám đốc Viễn thông Quảng Nam
Quá trình công tác	:
✓ Từ 01/1995 - 12/1996:	Kỹ sư Công ty Thiết kế Bưu điện Q.Nam Đà Nẵng.
✓ Từ 01/1997 - 06/1997:	Phó trưởng phòng KTNV Viễn thông Q.Nam Đà Nẵng.
✓ Từ 07/1997 - 05/2001:	Phó Trưởng phòng quản lý Bưu điện Quảng Nam
✓ Từ 06/2001 - 08/2006:	Trưởng phòng quản lý Viễn thông tin học BĐ Q.Nam
✓ Từ 09/2006 - 10/2006:	Phó trưởng phòng Đầu tư Bưu điện Quảng Nam
✓ Từ 11/2006 - 12/2007:	Trưởng phòng Đầu tư Bưu điện Quảng Nam
✓ Từ 01/2008 - 11/2009:	Trưởng phòng Đầu tư Viễn thông Quảng Nam
✓ Từ 17/11/2009 đến nay:	Phó Giám đốc Viễn thông Quảng Nam

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	12.450 cổ phần (chiếm 0,83% VDL)
Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với công ty (nếu có)	Không
Lợi ích liên quan đối với TC niêm yết	Không

**+ Ông Trần Hoài Thanh – Phó chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc Công ty**

Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 01/12/1972
CMND số	: 201224593; cấp ngày 20/08/2009; Công an TP Đà Nẵng cấp.
Dân tộc	: Kinh
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: Hòa Cường - Quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng;
Chỗ ở hiện tại	: 34 Thanh Long - Phường Thanh Bình - Quận Hải Châu - Tp Đà Nẵng;
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Kinh tế.
Chức vụ công tác hiện nay	: Tổng giám đốc Công ty

## Quá trình công tác

- ✓ Từ 09/1997 - 01/2002, Kế toán viên Bưu điện tỉnh Quảng Nam
- ✓ Từ 02/2002 - 06/2009, Phó Giám đốc Công ty kiểm Giám đốc XN Xây lắp, Xi nghiệp QTC2.
- ✓ Từ 07/2009 - 12/2011, Phó Tổng Giám đốc Công ty kiểm Giám đốc Xi nghiệp QTC3.
- ✓ Từ 01/2012 - 03/2014, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cp Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam
- ✓ Từ 04/2014 đến nay, Tổng giám đốc Công ty Cp Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam nay là Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	20.500 cổ phần (chiếm 1,37% VDL)
Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với công ty (nếu có)	Không
Lợi ích liên quan đối với TC niêm yết	Không

## + Ông Lưu Văn Minh Thành – Ủy viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc Công ty

Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 24/05/1975
CMND số	: 205144037; cấp ngày 02/07/2011; Công an Quảng Nam cấp.
Dân tộc	: Kinh
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: Điện Thọ 3, Điện Bàn, Quảng Nam;
Chỗ ở hiện tại	: Điện Thọ 3, Điện Bàn, Quảng Nam;
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân cao đẳng KT Viễn thông
Chức vụ công tác hiện nay	: Phó Tổng Giám đốc Công ty
Quá trình công tác	:

- ✓ Từ 10/1995-12/2002, Kỹ thuật viên Bưu điện huyện Hiệp Đức-Bưu điện Quảng Nam
- ✓ Từ 01/2003-04/2004, Kỹ thuật viên Công ty Điện báo điện Quảng Nam
- ✓ Từ 05/2004-04/2005, Chuyên viên Bưu điện tỉnh Quảng Nam
- ✓ Từ 05/2005-09/2006, Phó phòng QL Thi công Công ty Cp xây lắp và Phát triển dịch

- vụ Bưu điện Quảng Nam
- ✓ Từ 10/2006-09/2010, Phó Giám đốc Xí nghiệp QTC1 - Công ty Cp xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam
  - ✓ Từ 10/2010-12/2011, Giám đốc Xí nghiệp QTC1- Công ty Cp xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam
  - ✓ Từ 01/2012-11/03/2014, Trưởng Ban KTTC - Công ty Cp xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam.
  - ✓ Từ 12/03/2014 đến nay, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cp Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam nay là Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	<b>8.000</b> cổ phần (chiếm 0,53% VDL)
Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với công ty (nếu có)	Không
Lợi ích liên quan đối với TC niêm yết	Không

**+ Ông Châu Quang Trịnh – Ủy viên HĐQT**

Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 15/7/1966
CMND số	: 205717574; Cấp ngày: 12/12/2009; Nơi cấp: CA Quảng Nam
Dân tộc	: Kinh
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: Xã Hòa Minh, huyện Hòa Vang, Tp Đà Nẵng
Chỗ ở hiện tại	: 193, Trần Quý Cáp, Tp Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Quản trị kinh doanh
Chức vụ công tác hiện nay tại đơn vị khác	: Phó chủ tịch Công đoàn Viễn thông Quảng Nam
Quá trình công tác	:

- ✓ Từ tháng 01/1990 - 04/1999: Công nhân cấp máy Bưu điện Tiên Phước-Bưu điện Quảng Nam
- ✓ Từ tháng 05/1999 - 07/2002: Phó giám đốc Bưu điện Tiên Phước-Bưu điện Quảng Nam

- ✓ Từ tháng 08/2002 - 12/2007: Trưởng đài VT TP-TM-Công ty ĐB-ĐT-Bưu điện Quảng Nam
- ✓ Từ tháng 01/2008 - 11/2008: Chuyên viên Thi đua khen thưởng-Viện thông Quảng Nam
- ✓ Từ tháng 12/2008 đến nay: Phó Chủ tịch Công đoàn Viễn thông Quảng Nam

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	0 cổ phần (chiếm 0% VDL)
Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với công ty (nếu có)	Không
Lợi ích liên quan đối với TC niêm yết	Không

**+ Ông Trần Như Hoàng – Ủy viên HĐQT**

Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 20/10/1973
CMND số	: 205657791; Cấp ngày: 09/03/2009; Nơi cấp: CA Quảng Nam
Dân tộc	: Kinh
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: Mỹ Thạch Trung, Tân Thạnh, Tp Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam
Chỗ ở hiện tại	: Mỹ Thạch Trung, Tân Thạnh, Tp Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư Điện tử
Chức vụ công tác hiện nay tại đơn vị khác	: Chuyên viên chính - Phó trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư- Viễn thông Quảng Nam
Quá trình công tác	:

- ✓ Từ tháng 12/1998 - 06/2004: Kỹ sư viễn thông - Công ty điện báo điện thoại Quảng Nam
- ✓ Từ tháng 07/2004 - 12/1007: Chuyên viên Phòng ĐTXDCB - Bưu điện Tỉnh Quảng Nam
- ✓ Từ tháng 01/2008-7/2014: Chuyên viên Phòng ĐTXDCB - Viễn thông Quảng Nam
- ✓ Từ tháng 08/2014-10/2014: Phó trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư - Viễn thông Quảng Nam
- ✓ Từ tháng 11/2014-9/2015: Chuyên viên chính-Phó trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư -

Viễn thông Quảng Nam

- ✓ Từ tháng 10/2015 đến nay: Giám đốc Trung tâm Viễn thông 1-Viễn thông Quảng Nam

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	5.000 cổ phần (chiếm 0,33% VDL)
Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với công ty (nếu có)	Không
Lợi ích liên quan đối với TC niêm yết	Không

**+ Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Trưởng Ban Kiểm soát Công ty**

Giới tính	: Nữ
Ngày tháng năm sinh	: 14/8/1974
CMND số	: 205699005; Cấp ngày: 16/05/2009; Nơi cấp: CA Quảng Nam
Dân tộc	: Kinh
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: Xã Thủy Vân- Hưng Trà- Thừa Thiên Huế
Chỗ ở hiện tại	: 153 Phan Chu Trinh, Tp Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kế toán
Chức vụ công tác hiện nay tại đơn vị khác	: Kế toán trưởng-TT Kinh doanh-Viễn thông Quảng Nam
Quá trình công tác	:

- ✓ Từ tháng 9/1997- 12/2007: Kế toán viên Phòng Kế toán- tài chính - Bưu điện Tỉnh Quảng Nam
- ✓ Từ tháng 01/2008-03/2008: Kế toán viên Phòng Kế toán- tài chính - Viễn thông Quảng Nam
- ✓ Từ tháng 04/2008- 12/2013: Phó trưởng phòng KTTKTC- Viễn thông Quảng Nam
- ✓ Từ tháng 08/2014 đến nay: Kế toán trưởng-TT Kinh doanh-Viễn thông Quảng Nam

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	0 cổ phần (chiếm 0,0% VDL)

08/11  
 08/11  
 UT  
 CC  
 08/11  
 08/11

Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với công ty (nếu có)	Không
Lợi ích liên quan đối với TC niêm yết	Không

**+ Bà Phạm Thị Phương Thảo – Ủy viên Ban Kiểm soát Công ty**

Giới tính	: Nữ
Ngày tháng năm sinh	: 21/01/1979
CMND số	: 201402576; Cấp ngày: 25/04/1996; Nơi cấp: CA Quảng Nam
Dân tộc	: Kinh
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: Xã Cẩm Châu- TP Hội an- Tỉnh Quảng nam
Chỗ ở hiện tại	: 263 Cửa Đại- TP Hội an, tỉnh Quảng Nam
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Thạc sĩ Kỹ thuật
Chức vụ công tác hiện nay tại đơn vị khác	: Giám đốc TTVT Hội An - Viễn thông Quảng Nam.
Quá trình công tác	:

- ✓ Từ tháng 11/2001-8/2004: Kỹ sư Đài OCB - Công ty Điện báo điện thoại - Bưu điện Quảng Nam
- ✓ Từ tháng 9/2004- 01/2008: Kỹ sư VT - Tổ trưởng Đài Host Hội An - Bưu điện Quảng Nam
- ✓ Từ tháng 01/2008- 5/2010: Phó giám đốc- Trung tâm Viễn thông 3 - Viễn thông Quảng Nam
- ✓ Từ tháng 6/2010 đến nay: Giám đốc Trung tâm Viễn thông Hội An - Viễn thông Quảng Nam

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	<b>3.500 cổ phần (chiếm 0,23% VDL)</b>
Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với công ty (nếu có)	Không
Lợi ích liên quan đối với TC niêm yết	Không

**+ Ông Nguyễn Trí Bầy – Ủy viên Ban kiểm soát Công ty**

104  
NG  
PH  
XÁ  
HÁT  
IAT  
ENT  
QU

Giới tính : Nam  
 Ngày tháng năm sinh : 1967  
 CMND số : 205181580; cấp ngày 20/07/2001; Công an Quảng Nam cấp.  
 Dân tộc : Kinh  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Địa chỉ thường trú : Khố phố 9, Phường An Mỹ, Tam Kỳ, Quảng Nam  
 Chỗ ở hiện tại : Khố phố 9, Phường An Mỹ, Tam Kỳ, Quảng Nam  
 Trình độ văn hoá : 12/12  
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật  
 Chức vụ công tác hiện nay tại đơn vị khác : Chuyên viên Pháp lý-Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Quảng Nam  
 Quá trình công tác :

- ✓ Từ 05/1991 - 10/1991, Kỹ thuật viên Viễn thông Bưu điện Duy Xuyên - Bưu điện Quảng Nam
- ✓ Từ 11/1991 - 11/1996, Kỹ thuật viên Viễn thông Bưu điện Thăng Bình - Bưu điện Quảng Nam
- ✓ Từ 12/1996 - 06/1997, Kỹ thuật viên chuyển mạch Bưu điện Tam Kỳ - Bưu điện Quảng Nam
- ✓ Từ 07/1997 - 03/1998, Kỹ thuật viên Công ty Điện Báo Điện Thoại - Bưu điện Quảng Nam
- ✓ Từ 04/1998 - 08/2002, Chuyên viên Phòng Kế hoạch Đầu tư - Bưu điện Quảng Nam
- ✓ Từ 09/2002 - 02/2004, Chuyên viên Phòng Kế hoạch kinh doanh - Bưu điện Quảng Nam
- ✓ Từ 03/2004 - 05/2005, Phó phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty Điện Báo Điện Thoại - Bưu điện Quảng Nam
- ✓ Từ 06/2005 - 12/2007, Phó trưởng Trung tâm Kinh doanh và Phát triển mạng lưới dịch vụ viễn thông CNTT Công ty Điện Báo Điện Thoại - Bưu điện Quảng Nam
- ✓ Từ 01/2008 - 06/2010, Trưởng phòng phát triển kinh doanh mạng lưới Trung tâm Viễn thông 1 - Viễn thông Quảng Nam
- ✓ Từ 07/2010 - 12/2010, Trưởng phòng phát triển kinh doanh mạng lưới Viễn thông Núi Thành - Viễn thông Quảng Nam
- ✓ Từ 01/2011 - 11/2012, Chuyên viên phòng KTTT-Trung tâm Viễn thông Tam Kỳ-Phú Ninh - Viễn thông Quảng Nam
- ✓ Từ 12/2012 - 11/2014, Kỹ thuật viên -Trung tâm Viễn thông Tam Kỳ-Phú Ninh - Viễn thông Quảng Nam
- ✓ Từ 12/2014 đến nay, Chuyên viên pháp lý-Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Quảng

022  
 Y  
 AN  
 Y DUY  
 THUE  
 NG  
 HONG  
 ANG



Nam

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	2.750 cổ phần (chiếm 0,18% VDL)
Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với công ty (nếu có)	Không
Lợi ích liên quan đối với TC niêm yết	Không

**+ Bà Nguyễn Thị Hoài Nhân – Kế toán trưởng Công ty**

Giới tính	: Nữ
Ngày tháng năm sinh	: 10/02/1977
CMND số	: 201347816; cấp ngày 30/9/1994; Công an Quảng Nam Đà Nẵng cấp.
Dân tộc	: Kinh
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: số 73 Đoàn Thị Điểm, Phường Hòa Thuận, Tp Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.
Chỗ ở hiện tại	: số 73 Đoàn Thị Điểm, Phường Hòa Thuận, Tp Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Trung cấp Kế toán
Chức vụ công tác hiện nay	: Kế toán trưởng Công ty
Quá trình công tác	:

- ✓ Từ 08/2003-04/2004: Giao dịch Bưu điện - Chi nhánh Công ty Cp Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam.
- ✓ Từ 05/2004-03/2006: Kế toán viên TC - Chi nhánh Đà Nẵng - Công ty Cp Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam.
- ✓ Từ 04/2006-09/2010: Kế toán viên TC - Xi nghiệp QTC1 - Công ty Cp Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam.
- ✓ Từ 10/2010-23/03/2012: Kế toán trưởng - Xi nghiệp QTC1 - Công ty Cp Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam.
- ✓ Từ 24/03/2012-30/6/2014: Phụ trách Kế toán Công ty Cp Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam.
- ✓ Từ 01/7/2014 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cp Xây lắp và Phát triển dịch vụ Bưu điện Quảng Nam nay là Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông



Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	0 cổ phần (chiếm 0% VDL)
Tỷ lệ sở hữu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với công ty (nếu có)	Không
Lợi ích liên quan đối với TC niêm yết	Không

- Những thay đổi trong ban điều hành trong năm 2016: **Không có**
- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

Số lượng cán bộ, nhân viên của Công ty đến ngày 31/12/2016: **27** người.

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng
<b>Theo trình độ</b>	<b>27</b>	<b>100%</b>
Đại học	16	59,26
Cao đẳng	2	7,41
Trung cấp	2	7,41
Công nhân	4	14,81
Chưa qua đào tạo	3	11,11
<b>Theo loại hợp đồng</b>	<b>27</b>	<b>100%</b>
Không xác định thời hạn	19	70,37
Xác định thời hạn	8	29,63
<b>Theo giới tính</b>	<b>27</b>	<b>100%</b>
Nam	22	81,48
Nữ	5	18,52

- + Người lao động trong Công ty làm việc theo chế độ **40** giờ/tuần. Người lao động làm việc trực tiếp được trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động. Ngoài ra, do đặc thù từng công việc sẽ được trang bị thêm: Giấy da chống trơn, ủng, kính bảo vệ, dây an toàn...
- + Chế độ trả lương: Lương thời gian đối với CBCNV làm việc tại Văn phòng Công ty. Cán bộ kỹ thuật giám sát tại công trình được trả theo từng vị trí chức danh và hiệu quả thực hiện công việc.

Lương khoán đối với công nhân trực tiếp thông qua các hợp đồng giao khoán.

CBCNV được xếp lương và xét nâng bậc theo quy định của Công ty để làm cơ sở nộp BHXH, BHYT và BHTN...Điều chỉnh hệ số chức danh tùy vào vị trí sắp xếp và hiệu suất làm việc của từng cá nhân.

- + BHXH, BHYT, BHTN và các chế độ phúc lợi: CBCNV Công ty được tham gia BHXH, BHYT, BHTN và Bảo hiểm con người 24/24, trong đó: Công ty đóng 22%, người lao động đóng 10,5% (theo mức lương cơ bản).

CBCNV làm việc cho Công ty từ đủ 01 năm trở lên được nghỉ 12 ngày phép/năm

CBCNV có thời gian phục vụ trong quân ngũ hoặc người lao động nữ được tặng quà nhân các ngày 22/12, 08/3, 20/10.

- + Chính sách đào tạo: Hằng năm Công ty tổ chức cử CBCNV tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận, quản lý, chuyên môn nghiệp vụ. Kinh phí đào tạo và tiền lương trong thời gian người lao động tham gia học tập do công ty chi trả. CBCNV phát huy tốt kiến thức đã học trong thực tiễn công tác được xét điều chỉnh hệ số chức danh, được xét bổ nhiệm theo quy hoạch và nhu cầu phát triển của Công ty.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án trong năm 2016

- a. Các khoản đầu tư lớn: **Không có**
- b. Các công ty con, công ty liên kết (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết): **Không có**

### 4. Tình hình tài chính:

- a. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: đồng

Chi tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng (+) giảm (-)
Tổng giá trị tài sản	32.776.790.432	32.532.960.074	-0,74%
Doanh thu	21.982.722.005	31.152.775.271	+41,71%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.411.052.974	2.642.524.508	+9,60%
Lợi nhuận khác	-288.185.295	80.121.840	
Lợi nhuận trước thuế	2.122.867.679	2.722.646.348	+28,25%
Lợi nhuận sau thuế	1.514.321.226	2.184.632.026	+44,26%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	9%	10%	+11,11%

- Các chỉ tiêu khác (Tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất): **Không có.**

- b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	3,26	3,54	Lần
+ Hệ số thanh toán nhanh:			

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho	2,27	2,48	Lần
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,29	0,27	Lần
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,41	0,36	Lần
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán	2,51	2,86	Lần
Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	67,07	95,76	%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	6,89	7,01	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	6,53	9,16	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	4,62	6,72	%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	10,97	8,48	%

##### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- a. Cổ phần: Nếu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu.
- + Số cổ phần đang lưu hành: **1.500.000** cổ phần
  - + Số cổ phần chuyển nhượng tự do: **1.500.000** cổ phần
  - + Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: **0** cổ phần
- b. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm: ngày 04/5/2016
- + Tổng số cổ phần: **1.500.000** cổ phần
  - + Tổng số cổ đông theo danh sách ngày 04/5/2016 là **160** cổ đông. Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), chiếm tỷ lệ 32,67% số cổ phần.

## Các cổ đông tổ chức:

TT	Quốc gia	Tên tổ chức	Địa chỉ	Số cổ phần
1	Viet Nam	Bưu điện tỉnh Quảng Nam	01 Trần Phú -P. Tân Thành - TP Tam Kỳ - tỉnh Quảng Nam	18.000
2	Viet Nam	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp HCM	50
3	Viet Nam	Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc Tế ABC	614 Lạc Long Quân, Tây Hồ, HN	77.000
4	Viet Nam	Công ty cổ phần Đầu tư TTN Việt Nam	374 Lạc Long Quân, Xuân La, Tây Hồ HN	72.000
5	Viet Nam	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Số 57 phố Huỳnh Thúc Kháng, Hà nội	490.000
		<b>Tổng cộng:</b>		<b>657.050</b>
		<b>Tỷ lệ:</b>		<b>43,80%</b>

Cổ đông cá nhân: 155 cổ đông với tổng số cổ phần là: 842.950 cổ phần (chiếm 56,20%)

Số cổ đông trong nước: 158 cổ đông, với tổng 1.489.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,33%

Số cổ đông nước ngoài: 2 cổ đông, với tổng 10.100 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,67%

TT	Quốc tịch	Tên cá nhân/tổ chức	Địa chỉ	Số cổ phần	Cá nhân/TC
1	Japan	Yamamoto Kenji	4260-6 Shirasuka Kosai-shi Shizuoka, Japan	1.200	Cá nhân
2	Japan	Shirasaka Tsuyoshi	949 Saginomiya, Annaka City, Gunma, 379-0124, Japan	8.900	Cá nhân
		<b>Tổng cộng:</b>		<b>10.100</b>	
		<b>Tỷ lệ:</b>		<b>0,67%</b>	

Cổ đông nhà nước: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), chiếm 490.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 32,67%. Cổ đông khác chiếm 1.010.000, tương ứng 67,33%.

*Nguồn dữ liệu thống kê số lượng cổ phần được tập hợp từ danh sách cổ đông sở hữu chứng khoán QCC (ngày đăng ký cuối cùng 04/5/2016.) do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp.*

- c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2016: **Không có**

- d. Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2016: **Không có**
- e. Các chứng khoán khác năm 2016: **Không có**

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ban Tổng giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty).

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính của kế hoạch năm 2016 nhìn chung có chỉ tiêu đạt nhưng cũng có chỉ tiêu không đạt mục tiêu đề ra.....Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2015	KH 2016	TH 2016	% TH2016/ KH2016	% TH2016/ TH2015
1	Tổng doanh thu thuần	Tr.đồng	21.982	25.200	31.152	123,62	141,72
2	Nợ ngân sách nhà nước	Tr.đồng	2.435	1.860	2.879	154,78	118,23
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	2.122	3.000	2.722	90,73	128,28
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	1.514	2.400	2.184	91,00	144,25
5	Tỷ suất cổ tức	%	9	10	10	100,00	111,11
6	Thu nhập bình quân người/tháng	Tr.đồng	5,615	5,500	6,63	120,55	118,08

Năm 2016, thị trường vĩ mô trong nước tiếp tục có sự đầu tư về hạ tầng của Tập đoàn VNPT và các đơn vị liên quan. Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông tiếp tục nhận được sự quan tâm sâu sắc của lãnh đạo các Viễn thông tỉnh thành khu vực Miền Trung và Tây Nguyên và các cơ quan ban ngành liên quan, cùng với sự năng động và quyết tâm cao của Lãnh đạo Công ty và sự nỗ lực hết mình của tập thể CBCNV là một thuận lợi lớn giúp Công ty hoàn thành một số chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Ngay từ đầu năm, Công ty đã tích cực triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm và đồng bộ nhằm đẩy mạnh công tác phát triển mối quan hệ và không ngừng mở rộng thị trường để tạo cơ hội việc làm cho Công ty.

Để đảm bảo nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, Công ty đã tích cực tối đa cân đối nguồn tiền, đôn đốc thu nợ, nỗ lực làm việc với các tổ chức tín dụng để đảm bảo nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh kịp thời không để hoạt động của Công ty bị gián đoạn.

Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế với Nhà nước và không nợ BHXH.

**2. Tình hình tài chính**

## a. Tình hình tài sản

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm 2016/2015
<b>1. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>30.025.949.418</b>	<b>30.168.008.449</b>	+0,47
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.550.988.671	5.479.720.603	+253,31
Các khoản phải thu ngắn hạn	19.220.080.329	15.431.417.438	-19,71
Hàng tồn kho	9.124.701.673	9.067.020.473	-0,63
Tài sản ngắn hạn khác	130.178.745	189.849.985	+45,84
<b>2. Tài sản dài hạn</b>	<b>2.750.841.014</b>	<b>2.364.951.575</b>	-14,03
Tài sản cố định	2.227.064.065	1.952.654.577	-12,32
Các khoản phải thu dài hạn	0	0	0
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	280.060.300	200.019.440	-28,58
Tài sản dài hạn khác	50.078.330	55.522.727	+10,87
<b>Tổng tài sản</b>	<b>32.776.790.432</b>	<b>32.532.960.074</b>	-0,74

## b. Tình hình nợ phải trả:

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm 2016/2015
Nợ ngắn hạn	9.221.619.206	8.517.478.048	-7,64
Nợ dài hạn	367.500.000	157.500.000	-57,14
<b>Nợ phải trả</b>	<b>9.589.119.206</b>	<b>8.674.978.048</b>	-9,53

Để có nguồn vốn mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng doanh thu, Công ty tăng nguồn vốn vay ngắn hạn, tuy nhiên vẫn đảm bảo mức cân đối vốn an toàn.

Công ty trích dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn là do một số khách hàng không thanh toán và cũng có một số khách hàng cũng lâm vào cảnh khó khăn về tài chính.

**3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:**

- Công ty đã không ngừng củng cố và kiện toàn bộ máy tổ chức cho phù hợp với điều kiện sản xuất của đơn vị. Tập trung phát triển các bộ phận sản xuất theo hướng chuyên sâu, phát huy thế mạnh của từng bộ phận. Trong năm 2016 mô hình hoạt động của Công ty gồm 5 Ban chức năng và 01 đơn vị trực thuộc. Song với mô hình hoạt động này vẫn còn cồng kềnh và bất cập, Công ty dự kiến năm 2017 sẽ tái cơ cấu và định biên nhân sự lại toàn công ty nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.

- Hệ thống các quy chế, quy định đã và đang được rà soát, bổ sung, hoàn thiện đáp ứng yêu cầu công tác quản lý và tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy sản xuất kinh doanh



- Công tác quản lý, điều hành có nhiều đổi mới, việc chỉ đạo điều hành từ Ban Tổng giám đốc đến các Ban chức năng, đơn vị rất quyết liệt, đã bám sát nhiệm vụ kế hoạch và nhu cầu thực tiễn để chỉ đạo và điều hành sản xuất đạt hiệu quả tốt nhất. Quản lý chặt chẽ từ ngày công, giờ công, nhất là lao động thuê ngoài và tăng cường chỉ đạo tiết giảm chi phí quản lý, chống lãng phí, quản lý chặt chẽ các công trình đang thi công, triển khai quyết liệt chương trình tái cấu trúc về tài chính mà chủ yếu tập trung vào công tác xử lý các khoản nợ phải thu từ phía khách hàng.

#### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

##### ❖ Mục tiêu hoạt động năm 2017

Trên cơ sở các dự báo phát triển, triển vọng môi trường kinh tế Việt Nam và các nguồn lực, khả năng của đơn vị, công ty định hướng kế hoạch năm 2017 với mục tiêu chung là ổn định sản xuất, tăng trưởng hợp lý, đảm bảo phát triển doanh nghiệp bền vững. Trong năm 2017, công ty tập trung hoạt động trong 2 lĩnh vực thi công xây lắp các công trình Viễn thông và xây dựng các công trình dân dụng, trong đó thi công xây lắp các công trình Viễn thông là ngành truyền thống. Tùy theo tình hình từng thời điểm cụ thể để điều chỉnh tỷ trọng các ngành nghề sản xuất kinh doanh cho phù hợp nhằm đảm bảo hiệu quả tối ưu nhất.

- ✓ Phân đầu hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017
- ✓ Nâng cao năng lực của Công ty trong điều kiện thị trường ngày càng cạnh tranh gay gắt.
- ✓ Tạo thêm việc làm và đảm bảo thu nhập bình quân theo hướng tăng trưởng cho người lao động
- ✓ Tiếp tục khẳng định thương hiệu QTC trên thị trường khu vực Miền Trung và Tây Nguyên.
- ✓ Mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo hướng đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ.

##### ❖ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2016	TH 2016	KH 2017	% KH2017/TH2016
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	25.200	31.152	33.000	105,93
2	Nộp ngân sách nhà nước	Tr.đồng	1.860	2.879	2.072	71,97
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	3.000	2.722	3.481	127,88
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	2.400	2.184	2.785	127,52
5	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	10	10	10	100,00
6	Thu nhập bình quân người/tháng	Tr.đồng	5,500	6,63	7,00	105,58

##### ❖ Kế hoạch phát triển thị trường kinh doanh, dịch vụ:

- ✓ Tiếp tục duy trì khách hàng lớn và truyền thống trong thời gian qua như các viễn thông tỉnh, thành khu vực Miền Trung và Tây Nguyên. Ngoài ra, tiếp tục mở rộng phạm vi đối

tượng khách hàng là các đơn vị lớn trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin, xây dựng dân dụng, giao thông thủy lợi... thông qua công tác đấu thầu.

- ✓ Tích cực tìm hiểu và bám sát nhu cầu đối với việc đầu tư mới của các khách hàng để cung cấp trực tiếp sản phẩm dịch vụ của Công ty.

❖ **Các biện pháp thực hiện mục tiêu năm 2017**

*Về quản lý điều hành*

- ✓ Đổi mới mô hình tổ chức quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế
- ✓ Điều hành hoạt động của Công ty một cách linh hoạt nhằm nâng cao sức cạnh tranh
- ✓ Duy trì thị trường đang có một cách vững chắc, đẩy mạnh phát triển thị trường mới
- ✓ Tăng cường giới thiệu quảng bá sản phẩm dịch vụ của Công ty tại thị trường trong nước. Liên kết chặt chẽ giữa Công ty với Khách hàng.
- ✓ Tăng cường công tác quản lý, kiểm soát quá trình sản xuất, giảm thiểu các chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ để tăng tính cạnh tranh.
- ✓ Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn thông qua các giải pháp tăng cường thu nợ đúng hạn, thực hiện các điều khoản đảm bảo thanh toán nhanh và an toàn; giám số lượng hàng tồn kho để lưu chuyển dòng tiền mạnh mẽ và liên tục.
- ✓ Cơ cấu lại nguồn vốn để có kế hoạch huy động vốn từ các nguồn vốn khác nhau như vốn vay, đảm bảo phục vụ sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển.
- ✓ Tích cực tìm kiếm và khai thác các nguồn vốn có chi phí thấp để đảm bảo chi phí sử dụng vốn luôn ở mức thấp nhất, tạo lợi thế cạnh tranh và giảm thiểu chi phí tài chính cho Công ty.

*Về phát triển nguồn nhân lực*

- ✓ Xây dựng và phát triển đội ngũ R & D trong lĩnh vực sản xuất nhằm đáp ứng tốt yêu cầu hoạt động của Công ty và nhu cầu của khách hàng
- ✓ Nâng cao nghiệp vụ rủi ro quản lý trong tài chính, kinh doanh cũng như trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty
- ✓ Xây dựng cơ cấu tổ chức và nhân lực phù hợp với các phương án mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

**5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần): Không có**

**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty.**

- a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, rác thải...)

20/11  
 6H  
 1D  
 1C  
 4C  
 HỒ  
 AN

Trong năm qua đơn vị thực hiện quản lý tiêu thụ nguồn lực trong quá trình sản xuất trên tinh thần tiết kiệm. Các hoạt động sản xuất thi công không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.

Đơn vị thực hiện nghiêm túc các chế độ chính sách đối với người lao động như: Đảm bảo việc làm, tiền lương, các chế độ khác như BHXH, phúc lợi...

Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức đến toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty, xây dựng ý thức thực hiện thường xuyên sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Đơn vị xử lý tốt mối quan hệ với cộng đồng địa phương, được sự đồng thuận và ủng hộ của địa phương, cư dân trong quá trình sản xuất thi công của đơn vị.

Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước và phù hợp các yêu cầu pháp luật của Nhà nước quy định.

#### IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

##### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Trong năm qua, tập thể Lãnh đạo Công ty đã đặt mục tiêu trọng tâm là phấn đấu thực hiện hoàn thành thắng lợi kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 thông qua. Hội đồng quản trị đã cùng Ban Tổng giám đốc tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 và các nghị quyết của hội đồng quản trị bằng các giải pháp trọng tâm, đồng bộ, thực hiện mục tiêu đầy mạnh công tác quan hệ tìm kiếm việc làm để nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty, tăng cường công tác quản lý, siết chặt kỷ luật lao động.

Quá trình sản xuất thi công của công ty thực hiện theo quy trình quy phạm kỹ thuật, không gây tác động xấu với môi trường cũng như ảnh hưởng bất lợi đến đời sống của cư dân xung quanh.

##### 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty:

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị thực hiện giám sát, chỉ đạo Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, thông qua các hoạt động kiểm tra, kiểm soát và các báo cáo về tình hình và kết quả sản xuất hàng quý của Ban Tổng giám đốc.

Hội đồng quản trị thường xuyên phối hợp với Ban kiểm soát trong việc giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc thông qua hình thức trao đổi, thảo luận tại các buổi họp định kỳ và đột xuất.

Trong năm 2016, Tổng giám đốc công ty đã thực hiện có hiệu quả các biện pháp tháo gỡ khó khăn, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị.

Tổng giám đốc thực hiện chế độ họp giao ban định kỳ hằng tháng với Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng và Trưởng, phó các Phòng ban nghiệp vụ đồng thời tổ chức họp chuyên đề theo từng công việc hoặc nhóm công việc có liên quan để chỉ đạo sát sao và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh. Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc đã rất quyết liệt trong việc tiếp tục thực hiện các giải pháp tiết giảm chi phí, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giảm nhân lực. Căn cứ yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban Tổng giám đốc đã chủ động đề xuất HDQT các giải pháp cần thiết về tài chính, nhân sự...

Trong hoạt động xây lắp: Ban Tổng giám đốc đặc biệt chú trọng, chỉ đạo quyết liệt công tác đấu thầu, tìm kiếm các công trình mới để đảm bảo doanh thu lợi nhuận trong năm cũng như tạo nguồn việc cho năm kế tiếp. Tổng giám đốc đã quyết liệt phân giao nhiệm vụ phụ trách các công trình cụ thể tới từng thành viên, thường xuyên chỉ đạo, kiểm soát tiến độ, chất lượng thi công công trình. Việc triển khai quy trình quản lý các công trình xây lắp từ Công ty đến các Đội thi công đã đem lại hiệu quả rõ rệt.

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị hoạch định chiến lược phát triển của công ty đó là: Xây dựng công ty dựa trên các ngành nghề sản xuất kinh doanh chính là: Thi công xây lắp các công trình Viễn thông, các công trình xây dựng dân dụng... Trong đó thi công xây lắp các công trình Viễn thông là lĩnh vực chủ đạo.

Đối với lĩnh vực thi công xây lắp các công trình Viễn thông, công trình xây dựng dân dụng. Cần phải tập trung nâng cao trình độ, kỹ năng của bộ phận đấu thầu nhằm nâng cao tỷ lệ thắng thầu công trình, đẩy mạnh khai thác thị trường để ký kết hợp đồng thi công xây lắp mới. Trong quá trình thi công thực hiện tốt công tác quản lý, kiểm soát chỉ đạo điều hành, bố trí cán bộ có năng lực, tâm huyết với công việc, tăng cường đầu tư, chuẩn bị các nguồn lực cho sản xuất, thi công công trình đáp ứng đúng tiến độ, chất lượng an toàn và hiệu quả.

Để tiếp tục duy trì và phát triển thương hiệu QTC đã được tạo dựng trong các năm qua. Hội đồng quản trị tăng cường chỉ đạo, phối hợp với Ban điều hành công ty thực hiện tìm kiếm liên doanh liên kết để tiếp tục triển khai các dự án bất động sản mới có quy mô vừa và nhỏ phù hợp với năng lực của công ty.

Để đảm bảo sự tồn tại và phát triển, Ban lãnh đạo công ty nhận thức yếu tố trung tâm, cốt lõi là yếu tố con người. Vì vậy công ty phải có các chính sách phù hợp để duy trì, đào tạo và thu hút các nhân sự có chất lượng cho quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.



## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

### 1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Chuyên môn chính	Tỷ lệ cổ phần	Đại diện vốn của Tập đoàn VNPT
1	Nguyễn Việt Hà	Chủ tịch HĐQT	Thạc sĩ Điện tử Viễn thông	32,67%	Đại diện vốn của Tập đoàn VNPT
				0,83%	Cá nhân
2	Trần Hoài Thanh	Phó chủ tịch HĐQT/Tổng giám đốc	Cử nhân Kinh tế - Du lịch	1,37%	Cá nhân
3	Lưu Văn Minh Thành	Ủy viên HĐQT/Phó Tổng giám đốc	Cử nhân cao đẳng KT Viễn thông	0,53%	Cá nhân
4	Châu Quang Trịnh	Ủy viên HĐQT	Cử nhân Quản trị kinh doanh		
5	Trần Như Hoàng	Ủy viên HĐQT	Kỹ sư Điện tử	0,33%	Cá nhân

Số lượng thành viên độc lập 03 người:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Chuyên môn chính	Tỷ lệ cổ phần	Đại diện vốn của Tập đoàn VNPT
1	Nguyễn Việt Hà	Chủ tịch HĐQT	Thạc sĩ Điện tử Viễn thông	32,67%	Đại diện vốn của Tập đoàn VNPT
				0,83%	Cá nhân
2	Trần Như Hoàng	Ủy viên HĐQT	Kỹ sư Điện tử	0,33%	Cá nhân
3	Châu Quang Trịnh	Ủy viên HĐQT	Cử nhân Quản trị kinh doanh		

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: **Không có**

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc: Hội đồng quản trị đã quản lý công ty theo đúng quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Giám sát ban quản lý điều hành theo đúng Luật doanh nghiệp, Điều lệ và các quy chế quy định của Công ty. Trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, phân công các thành viên giám sát các hoạt động điều hành của bộ máy quản lý phù hợp với tình hình thực tế công ty.

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Kết quả cuộc họp
1	-2016/NQ-HĐQT	17/3/2016	Nghị quyết HĐQT v/v Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.	100%
2	13/NQ-ĐHĐCĐ	12/4/2016	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.	100%
3	14/NQ-HĐQT	14/4/2016	Nghị quyết HĐQT v/v Chi trả cổ tức cho cổ đông năm 2015.	100%
4	16/QĐ-HĐQT	04/5/2016	Quyết định của HĐQT v/v Thay đổi tên và địa điểm kinh doanh của CN Công ty Cp Đầu tư xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông-Xí nghiệp Xây lắp và sản xuất vật liệu Viễn thông.	100%
5	47-2016/NQ-HĐQT	24/11/2016	Nghị quyết của HĐQT v/v thông qua phương án Công ty mua lại cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ.	100%
6	03/NQ-HĐQT	04/02/2017	Nghị quyết HĐQT v/v Thông qua kết quả hoạt động SXKD năm 2016 và Kế hoạch hoạt động SXKD năm 2017.	100%

- d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: **Không có**
- e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: **Không có**
- f. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: **Không có**

## 2. Ban Kiểm soát:

- a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát trước ngày 31/12/2016

Stt	Họ tên	Chức vụ	Chuyên môn chính	Số lượng cp sở hữu
1	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Trưởng BKS	Cử nhân kế toán	0
2	Phạm Thị Phương Thảo	Ủy viên BKS	Thạc sĩ Kỹ thuật	3.500
3	Nguyễn Trí Bày	Ủy viên BKS	Cử nhân Luật	2.750

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

b1. Hoạt động của Ban kiểm soát:

\* **Hoạt động:** Ban kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên. Được hoạt động theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty Cp Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông.

- Thực hiện giám sát và phối hợp với Ban Tổng giám đốc tổ chức kiểm tra các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thu nhận thông tin từ HĐQT, cung cấp về hoạt động kinh doanh. Tập hợp báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo Đại hội đồng Cổ đông, các kiến nghị của Cổ đông.
- Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm; Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Phối hợp với HĐQT Công ty tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

b2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát đã tham dự các cuộc họp định kỳ với Ban Tổng giám đốc, giám sát và kiểm tra kết quả hoạt động, điều hành của HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty trên cơ sở tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ của Công ty, góp phần làm cho hoạt động SXKD được minh bạch, lành mạnh.
- Kiểm tra báo cáo tài chính, báo cáo thẩm định về việc thực hiện giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm;
- Tham gia các cuộc họp của HĐQT về việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch sản xuất kinh doanh định kỳ 6 tháng và năm của Công ty.
- Thống nhất những đề xuất, kiến nghị với HĐQT trước khi trình Đại hội đồng Cổ đông Công ty.

b3. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý:

\* **Hội đồng Quản trị:**

- Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 đề ra, có những định hướng chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh, và được hoạch định hoàn chỉnh, có cơ sở thuyết phục và mang tính khả thi cao. Trong quá trình chỉ đạo thực hiện đã có những quyết định đúng đắn, kiên quyết trong công tác quản lý, điều động, bổ trí cán bộ, khắc phục được những hạn chế do môi trường



sản xuất kinh doanh bất lợi trong năm 2016, điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh kịp thời, phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Tổ chức thực hiện tốt chương trình mục tiêu và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tạo tiền đề cho Công ty phát triển bền vững

**\* Ban Tổng giám đốc:**

Ban Tổng giám đốc đã tổ chức điều hành sản xuất kinh doanh trên cơ sở Nghị quyết đại hội đồng cổ đông và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Ban Tổng giám đốc đã linh hoạt tiếp cận thị trường, giải quyết việc làm đầy đủ cho người lao động, năng động sáng tạo trong xây dựng chương trình và tổ chức thực hiện, đưa ra các giải pháp quản lý điều hành sản xuất kinh doanh kịp thời, phù hợp với tình hình thực tiễn đảm bảo nguyên tắc và đạt hiệu quả.

**\* Cán bộ quản lý:**

Bộ phận cán bộ quản lý của Công ty thừa hành thực hiện nhiệm vụ được giao, luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm trong công tác quản lý các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, năng động sáng tạo trong quá trình thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- b4. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Cổ đông:

- Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và Cổ đông công ty luôn thể hiện tinh thần đoàn kết và có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh. Hội đồng quản trị thường xuyên trao đổi, cung cấp thông tin, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi có yêu cầu.
- Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và Cổ đông luôn phối hợp thực hiện đảm bảo đúng thủ tục trình tự, được gắn kết chặt chẽ hỗ trợ lẫn nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- b5. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính Công ty:

**\* Tình hình hoạt động:**

Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, bộ máy quản lý điều hành đã thực hiện đầy đủ và thắng lợi chương trình mục tiêu kinh tế xã hội và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông về định hướng chiến lược phát triển kinh doanh năm 2016 của Công ty đảm bảo đúng pháp luật, đạt hiệu quả thể hiện các mặt sau:

- Quản lý điều hành bằng hình thức ban hành các quy chế nội bộ của doanh nghiệp, điều chỉnh bằng các Nghị quyết của HĐQT và các Quyết định của Ban Tổng giám đốc, hoạt động theo Điều lệ của Công ty Cổ phần, kịp thời bổ sung, sửa đổi, các quy chế phù hợp với chế độ chính sách hiện hành và cơ chế thị trường. Sử dụng một cách hợp lý về tiền vốn và nguồn lực đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định.

38  
110  
5 P1  
U X  
HA  
HA  
TEN  
0

- Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động, việc trả lương, thưởng đảm bảo nguyên tắc và kịp thời động viên khuyến khích người lao động.
- Theo dõi, quản lý tốt nguồn tài chính của Công ty, thường xuyên quan tâm đến công tác thanh toán vốn và thu hồi nợ, hoạt động sản xuất kinh doanh bằng vốn tự có và vay ngân hàng.
- Tổ chức điều hành sản xuất kinh doanh phát triển bền vững, bảo toàn và phát triển vốn của Cổ đông.

**\* Công tác tài chính Công ty:**

Công tác tài chính luôn thực hiện đảm bảo nguyên tắc, đúng luật kế toán và các quy định tài chính hiện hành, có quy chế hoạt động tài chính nội bộ công ty, quản lý tốt công tác tài chính, tình hình tài chính ổn định, sản xuất kinh doanh phát triển tốt, thực hiện kịp thời, đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhà nước.

Báo cáo tài chính của Công ty được kiểm toán độc lập bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam-Chi nhánh Miền Trung bao gồm: Báo cáo kiểm toán; Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo về tình hình tài chính của Công ty Cp Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông tại thời điểm 31/12/2016 và các số liệu Ban tài chính kế toán Công ty cung cấp, Ban kiểm soát tiến hành thẩm tra và đánh giá như sau:

- Kết quả hoạt động tài chính năm 2016:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2016	Năm 2015	%So sánh 2016/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31.152.775.271	21.982.722.005	141,71
2. Các khoản giảm trừ	02			
3. Doanh thu thuần về BH và c/c DV (10=01- 03)	10	31.152.775.271	21.982.722.005	141,71
4. Giá vốn hàng bán	11	26.022.365.491	17.765.774.433	146,47
5. Lợi nhuận gộp về BH và c/c DV (20=10-11)	20	5.130.409.780	4.216.947.572	121,66
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.960.645	22.483.686	22,06
7. Chi phí tài chính	22	61.554.630	15.093.513	407,82
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	61.513.770	20.862.887	294,85
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	2.422.143.687	1.760.399.169	137,59
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-	30	2.642.524.508	2.411.052.974	109,60

(24+25))				
11. Thu nhập khác	31	193.760.193	139.160.600	139,23
12. Chi phí khác	32	113.638.353	427.345.895	26,59
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	80.121.840	-288.185.295	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	2.722.646.348	2.122.867.679	128,25
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	538.014.322	608.546.453	88,41
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	0	0	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60	2.184.632.026	1.514.321.226	144,26
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.456	1.010	144,16

Ban kiểm soát căn cứ số liệu và báo cáo kết quả kiểm toán của Công ty năm 2016, đã được Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam-Chỉ nhánh Miền Trung. đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện và Ban Tài chính kế toán Công ty chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của các chứng từ và tính trung thực về số liệu đã cung cấp để kiểm tra.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát:**

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Stt	Họ và tên	Các khoản lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác			
		Lương hàng tháng (đồng)	Thưởng (đồng)	Thù lao năm 2016(đồng)	Các lợi ích khác
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>				
1	Nguyễn Việt Hà - Chủ tịch HĐQT	0	0	21.846.320	0
2	Trần Hoài Thanh - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	13.338.921	0	19.661.688	0
3	Lưu Văn Minh Thành - Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	11.491.140	0	15.292.424	0
4	Trần Như Hoàng - Ủy viên HĐQT	0	0	15.292.424	0
5	Châu Quang Trịnh - Ủy viên HĐQT	0	0	15.292.424	0
<b>II</b>	<b>Ban kiểm soát</b>				
1	Nguyễn Thị Bích Ngọc -	0	0	8.738.528	0

	Trưởng Ban kiểm soát				
2	Phạm Thị Phương Thảo - Ủy viên Ban kiểm soát	0	0	6.553.896	0
3	Nguyễn Trí Bảy - Ủy viên Ban kiểm soát	0	0	6.553.896	0

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: **Không có**

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: **Không có phát sinh**

Stt	Tên hợp đồng	Cổ đông nội bộ

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty QTC đã thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị Công ty theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. Ý kiến kiểm toán

Ý kiến kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam-Chi nhánh Đà Nẵng

- Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Một số khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán chưa được trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ tài chính. Theo đó, số dự phòng trích lập thiếu so với quy định là 1.781.555.864 đồng. Nếu lập dự phòng theo quy định thì Khoản mục “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi” trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016 sẽ tăng lên 1.781.555.864 đồng. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu “Chi phí quản lý doanh nghiệp” sẽ tăng thêm 1.781.555.864 đồng, chỉ tiêu “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành” và “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” sẽ giảm đi lần lượt là 356.311.173 đồng và 1.425.244.691 đồng.

- Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

- Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển hạ tầng Viễn thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với báo cáo tài chính này theo Báo cáo kiểm toán số 308/2016/BCKT-AAC ngày 22/3/2016.

## 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm được kiểm toán đính kèm bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

(Đã được đăng tải trên Website của Công ty tại địa chỉ <http://www.gtc.vn> mục Quan hệ cổ đông).

Trên đây là toàn bộ báo cáo thường niên của Công ty Cp Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông (mã chứng khoán QCC) về kết quả sản xuất kinh doanh và các hoạt động quản trị của công ty trong năm 2016. Xin kính gửi đến Ủy Ban chứng khoán Nhà Nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, các Quý Cổ đông và Nhà Đầu tư.

Quảng Nam, ngày 27 tháng 3 năm 2017

Người thực hiện CBTT

Phó CT HĐQT/Tổng Giám đốc

Nơi nhận;

- UBCKNN, SGĐCKHN;
- H ĐQT, BKS, Ban TGD(để b/c);
- Lưu HSCK



**Trần Hoài Thanh**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VIỆT THỐNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016



## MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 35

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

#### **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Việt Hà	Chủ tịch
Ông Trần Hoài Thanh	Phó Chủ tịch
Ông Lưu Văn Minh Thành	Thành viên
Ông Trần Như Hoàng	Thành viên
Ông Châu Quang Trịnh	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Phương Thảo	Thành viên
Ông Nguyễn Trí Bảy	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Hoài Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Lưu Văn Minh Thành	Phó Tổng Giám đốc

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh Miền Trung, thành viên RSM Quốc tế.

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, ngoại trừ vấn đề được nêu trong báo cáo kiểm toán kèm theo, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



**Trần Hoài Thanh**  
**Tổng Giám đốc**

Quảng Nam, ngày 15 tháng 03 năm 2017

Số: 21/BCKT/2017-RSMVT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VIỄN THÔNG**

**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15/03/2017 từ trang 5 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Một số khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán chưa được trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, số dự phòng trích lập thiếu so với quy định là 1.781.555.864 đồng. Nếu lập dự phòng theo đúng quy định thì khoản mục "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016 sẽ tăng lên 1.781.555.864 đồng. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" sẽ tăng thêm 1.781.555.864 đồng, chỉ tiêu "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành" và "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" sẽ giảm đi lần lượt là 356.311.173 đồng và 1.425.244.691 đồng.

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính này theo Báo cáo kiểm toán số 308/2016/BCKT-AAC ngày 22/03/2016.



**Trần Dương Nghĩa**

**Giám đốc**

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
1309-2016-026-1

**Nguyễn Hà Trung**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
2444-2016-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam**

**Chi nhánh Miền Trung**

*Đà Nẵng, ngày 15 tháng 03 năm 2017*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VIÊN THÔNG**

Đường Phan Bội Châu, Phường Tân Thanh,  
Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 01a - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>30.168.008.499</b>	<b>30.025.949.418</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>5.479.720.603</b>	<b>1.550.988.671</b>
1. Tiền	111	5.1	5.479.720.603	1.550.988.671
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>15.431.417.438</b>	<b>19.220.080.329</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	12.443.501.428	16.544.338.890
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	298.029.816	121.012.816
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	2.423.150.541	2.287.992.970
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.5	266.735.653	266.735.653
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>9.067.020.473</b>	<b>9.124.701.673</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.6	9.174.670.105	9.232.351.305
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	5.6	(107.649.632)	(107.649.632)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>189.849.985</b>	<b>130.178.745</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	119.897.489	130.178.745
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	69.952.496	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.364.951.575</b>	<b>2.750.841.014</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.952.654.577</b>	<b>2.227.064.065</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	1.952.654.577	2.227.064.065
Nguyên giá	222		8.960.780.046	9.178.915.952
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.008.125.469)	(6.951.851.887)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>156.754.831</b>	<b>193.638.319</b>
1. Nguyên giá	231	5.9	577.130.719	577.130.719
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(420.375.888)	(383.492.400)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>200.019.440</b>	<b>280.060.300</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.10	-	80.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.10	200.159.000	200.159.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.10	(139.560)	(98.700)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>55.522.727</b>	<b>50.078.330</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	55.522.727	50.078.330
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>32.532.960.074</b>	<b>32.776.790.432</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Ma số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>8.674.978.048</b>	<b>9.589.119.206</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>8.517.478.048</b>	<b>9.221.619.206</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	1.817.539.670	4.398.254.201
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	590.000.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	1.890.494.828	1.485.525.776
4. Phải trả người lao động	314		3.573.061.047	2.601.591.459
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.14	60.000.003	87.272.727
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	546.363.460	306.588.055
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	210.000.000	540.323.113
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(169.980.960)	(197.936.125)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>157.500.000</b>	<b>367.500.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	157.500.000	367.500.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>23.857.982.026</b>	<b>23.187.671.226</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>23.857.982.026</b>	<b>23.187.671.226</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.000.000.000	15.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.000.000.000	15.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.673.350.000	6.673.350.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.18	2.184.632.026	1.514.321.226
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.184.632.026	1.514.321.226
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>32.532.960.074</b>	<b>32.776.790.432</b>



Trần Hoài Thanh  
Tổng Giám đốc  
Quảng Nam, ngày 15 tháng 03 năm 2017

Nguyễn Thị Hoài Nhân  
Kế toán trưởng

Phạm Thị Trúc Linh  
Người lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	6.1	31.152.775.271	21.982.722.005
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		31.152.775.271	21.982.722.005
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	26.022.365.491	17.765.774.433
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		5.130.409.780	4.216.947.572
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	4.960.645	22.483.686
7. Chi phí tài chính	22	6.4	61.554.630	15.093.513
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>61.513.770</i>	<i>20.862.887</i>
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	9.147.600	52.885.602
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	2.422.143.687	1.760.399.169
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.642.524.508	2.411.052.974
11. Thu nhập khác	31	6.7	193.760.193	139.160.600
12. Chi phí khác	32	6.8	113.638.353	427.345.895
13. Lợi nhuận khác	40		80.121.840	(288.185.295)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.722.646.348	2.122.867.679
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	538.014.322	608.546.453
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.184.632.026	1.514.321.226
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.17.5	1.456	950
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.17.6	1.456	950



Trần Hoài Thanh  
Tổng Giám đốc  
Quảng Nam, ngày 15 tháng 03 năm 2017

Nguyễn Thị Hoài Nhân  
Kế toán trưởng

Phạm Thị Trúc Linh  
Người lập

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Ma số	TM	Năm 2016	Năm 2015
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		35.631.300.606	26.513.949.707
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(11.776.269.230)	(9.349.756.283)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(11.960.140.204)	(11.167.720.400)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(62.813.522)	(21.740.913)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(348.874.345)	(881.761.204)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.788.958.475	1.872.344.896
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(8.463.254.886)	(4.556.349.995)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>5.808.906.894</b>	<b>2.408.965.808</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(233.256.832)	(1.260.612.835)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		45.454.545	-
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		80.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.960.645	22.483.686
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(102.841.642)</b>	<b>(1.238.129.149)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	7.1	498.249.061	960.323.113
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(1.038.572.174)	(752.500.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(1.237.010.207)	(739.345.475)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(1.777.333.320)</b>	<b>(531.522.362)</b>
<b>LƯU CHUYỂN THUẬN TRONG NĂM</b>	<b>50</b>		<b>3.928.731.932</b>	<b>639.314.297</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.550.988.671	911.674.374
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	<b>70</b>		<b>5.479.720.603</b>	<b>1.550.988.671</b>



Trần Hoài Thành  
Tổng Giám đốc  
Quảng Nam, ngày 15 tháng 03 năm 2017

Nguyễn Thị Hoài Nhân  
Kế toán trưởng

Phạm Thị Trúc Linh  
Người lập

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông thay đổi tên từ Công ty Cổ phần Xây lắp và Phát triển Dịch vụ Bưu điện Quảng Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000364082 ngày 25 tháng 01 năm 2002 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 21 tháng 04 năm 2016.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 15.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Bưu điện Tỉnh Quảng Nam	Việt Nam	180.000.000	1%	180.000.000	1%
Công ty CP Tập đoàn QT ABC	Việt Nam	770.000.000	5%	770.000.000	5%
Công ty CP Đầu tư TTN Việt Nam	Việt Nam	720.000.000	5%	720.000.000	5%
Tập đoàn BV-VT Việt nam	Việt Nam	4.900.000.000	33%	4.900.000.000	33%
Các cổ đông khác	Việt Nam	8.430.000.000	56%	8.430.000.000	56%
<b>Cộng</b>		<b>15.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Đường Phan Bội Châu, Phường Tân Thạnh, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ và xây lắp.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công các công trình xây lắp bưu chính – viễn thông, cơ, điện và điện lạnh, công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, các công trình và phát thanh, truyền hình;
- Xuất bản phần mềm;
- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ gia tăng giá trị mạng internet;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy tính;
- Bưu chính;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê tài sản hoạt động, cho thuê các sản phẩm, thiết bị bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học;
- Công nghệ tin;
- Hoạt động viễn thông có dây;
- Hoạt động viễn thông không dây;



### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết: Dịch vụ đo kiểm viễn thông;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh nhà, đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng, nhà đất;
- Sản xuất bê tông, các sản phẩm xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất sản phẩm cốt bê tông ly tâm, cầu kiện bê tông;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn kỹ thuật, lập dự án đầu tư, thiết kế, thẩm tra, chuyên gia kỹ thuật công nghệ chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện tử, điện lạnh và tin học;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Sửa chữa thiết bị khác. Chi tiết: Bảo trì, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các thiết bị bưu chính, viễn thông, cơ, điện, điện lạnh và các thiết bị tin học;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị cơ, điện, điện lạnh;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn.

#### 1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

#### 1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có một đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc là CN Công ty CP Đầu tư Xây dựng & Phát triển Hạ tầng Viễn thông – XN Xây lắp & Sản xuất Vật liệu Viễn thông.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

#### 2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

#### 2.2. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

#### 2.3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

#### 3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 4.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

tháng 12 năm 2016 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

**4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

**4.3. Đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác***

***Đầu tư khác***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

***Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính***

***Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn***

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

***Đối với các khoản đầu tư khác***

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.

**4.4. Các khoản nợ phải thu**

***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi cân trừ với các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

#### ***Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi***

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **4.5. Hàng tồn kho**

##### ***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

##### ***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### ***Phương pháp hạch toán hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

##### ***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **4.6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

##### ***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Phương pháp khấu hao**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<b>Năm 2016</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 20 năm
Máy móc, thiết bị	3 – 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 năm

**4.7. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

**Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư**

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

**Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

	<b>Năm 2016</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 năm

**4.8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm, sửa chữa... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

**4.9. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**4.10. Chi phí đi vay**

***Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay***

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**4.11. Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện tại Công ty là tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với hoạt động cho thuê tài sản và được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

**4.12. Vốn chủ sở hữu**

***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**4.13. Doanh thu, thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày dưới đây.

***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

***Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định***

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý.

**4.14. Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày dưới đây.

**4.15. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

**4.16. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

**4.17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm chi phí mua công cụ, dụng cụ, các chi phí khác...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng)...

**4.18. Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế như sau:

- Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động xây lắp;
- Các hoạt động khác áp dụng theo mức thuế suất quy định hiện hành.

#### *Các loại thuế khác*

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### **4.19. Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

#### **4.20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

#### **4.21. Công cụ tài chính**

##### *Ghi nhận ban đầu*

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc và các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

##### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc và các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

##### *Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

178  
NG  
NH  
N &  
CT,  
HÀ  
RUN  
P D

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tiền mặt	254.829.638	303.971.996
Tiền gửi ngân hàng	5.224.890.965	1.247.016.675
<b>Cộng</b>	<b>5.479.720.603</b>	<b>1.550.988.671</b>

**5.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải thu từ khách hàng		
TT Hạ Tầng mạng Miền Trung - CN Tổng Công ty HTM	2.451.682.550	-
Viễn thông Khánh Hòa	-	3.948.393.726
Viễn thông Quảng Ngãi	2.189.145.819	-
Viễn thông Quảng Nam	6.796.176.024	5.884.171.908
Các khách hàng khác	1.006.497.035	4.211.215.826
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan - xem thêm mục 9	-	2.500.557.430
<b>Cộng</b>	<b>12.443.501.428</b>	<b>16.544.338.890</b>

**5.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Công ty TNHH Thương Mại - Dịch Vụ Kỹ Hưng	45.000.000	45.000.000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Hoàng An	-	18.642.858
Công ty CP Đầu tư Cao su Quảng Nam	-	17.068.850
Công ty TNHH MTV Ba Trần	-	33.300.000
Công ty CP Máy - Thiết bị dầu khí Đà Nẵng	50.000.000	-
DNTN Xưởng cán tôn Trường Thịnh I	-	7.001.108
Công ty TNHH MTV Lợi Cúc	110.000.000	-
Các đối tượng khác	93.029.816	-
<b>Cộng</b>	<b>298.029.816</b>	<b>121.012.816</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.4. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	1.307.905.818	-	923.496.162	-
Phải thu người lao động	-	-	420.000.000	-
Phải thu BHYT, BHXH	21.845.597	-	26.408.597	-
Phải thu khác	1.093.399.126	-	918.088.211	-
<b>Cộng</b>	<b>2.423.150.541</b>	<b>-</b>	<b>2.287.992.970</b>	<b>-</b>

**5.5. Tài sản thiếu chờ xử lý**

	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
	VND	VND
Hàng tồn kho	266.735.653	266.735.653
<b>Cộng</b>	<b>266.735.653</b>	<b>266.735.653</b>

**5.6. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	746.519.298	107.649.632	835.612.410	107.649.632
Chi phí SX, KD dở dang	8.415.766.271	-	8.384.354.359	-
Thành phẩm	12.384.536	-	12.384.536	-
<b>Cộng</b>	<b>9.174.670.105</b>	<b>107.649.632</b>	<b>9.232.351.305</b>	<b>107.649.632</b>

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ là 275.155.532 đồng.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối kỳ là 0 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.7. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí sửa chữa và bảo hiểm xe	59.623.413	58.728.230
Tiền thuê đất trạm BTS	9.950.000	43.967.075
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	50.324.076	27.483.440
<b>Cộng</b>	<b>119.897.489</b>	<b>130.178.745</b>
	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Dài hạn:		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	55.522.727	50.078.330
<b>Cộng</b>	<b>55.522.727</b>	<b>50.078.330</b>

**5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Pi tiện vận tải, truyền dẫn VND	T/bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2016	2.276.654.040	3.484.045.475	2.957.222.346	460.994.091	9.178.915.952
Mua trong năm	-	140.000.000	93.256.832	-	233.256.832
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(451.392.738)	-	(451.392.738)
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>2.276.654.040</b>	<b>3.624.045.475</b>	<b>2.599.086.440</b>	<b>460.994.091</b>	<b>8.960.780.046</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2016	1.458.144.595	2.879.831.425	2.152.881.776	460.994.091	6.951.851.887
Khấu hao trong năm	96.490.560	259.812.878	151.383.082	-	507.686.320
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(451.392.738)	-	(451.392.738)
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>1.554.635.155</b>	<b>3.139.644.103</b>	<b>1.852.852.120</b>	<b>460.994.091</b>	<b>7.008.125.469</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2016	818.509.445	604.214.050	804.340.570	-	2.227.064.065
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>722.018.885</b>	<b>484.401.372</b>	<b>746.234.320</b>	<b>-</b>	<b>1.952.654.577</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã đúng thể chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 1.375.178.381 đồng.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.568.238.984 đồng.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý là 0 đồng.

**5.9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Tại ngày 01/01/2016 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 31/12/2016 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá:				
Cơ sở hạ tầng	577.130.719	-	-	577.130.719
<b>Cộng</b>	<b>577.130.719</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>577.130.719</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Cơ sở hạ tầng	383.492.400	36.883.488	-	420.375.888
<b>Cộng</b>	<b>383.492.400</b>	<b>36.883.488</b>	<b>-</b>	<b>420.375.888</b>
Giá trị còn lại:				
Cơ sở hạ tầng	193.638.319	-	-	156.754.831
<b>Cộng</b>	<b>193.638.319</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>156.754.831</b>

Giá trị còn lại cuối kỳ của bất động sản đầu tư đúng thể chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay là 0 đồng.

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê là 0 đồng.

Bất động sản đầu tư bao gồm hai trạm BTS.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.10. Các khoản đầu tư tài chính**

	Tại ngày 31/12/2016			Tại ngày 01/01/2016		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng QTC	-	-	-	80.000.000	80.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>80.000.000</b>	<b>80.000.000</b>	<b>-</b>
Đầu tư vào đơn vị khác: Công ty CP Điện tử Viễn thông Tin học Bưu điện (i)	200.000.000	200.000.000	-	200.000.000	200.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Cao su Quảng Nam (VHG) (ii)	159.000	159.000	139.560	159.000	159.000	98.700
<b>Cộng</b>	<b>200.159.000</b>	<b>200.159.000</b>	<b>139.560</b>	<b>200.159.000</b>	<b>200.159.000</b>	<b>98.700</b>

- (i) Cho đến thời điểm này, Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Điện tử Viễn thông Tin học Bưu điện. Cổ phiếu này chưa được lên sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của nó. Do đó, giá trị cổ phiếu đã đầu tư được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.
- (ii) Khoản dự phòng giảm giá đối với cổ phiếu VHG được căn cứ vào số lượng cổ phiếu Công ty hiện đang nắm giữ và chênh lệch giữa giá đóng cửa ngày 31/12/2016 tại HOSE với giá ghi sổ kế toán.

**5.11. Phải trả cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán: Công ty CP Tân Hoàn Long	464.084.567	464.084.567	759.836.162	759.836.162
Công ty TNHH Phú Vĩnh	212.264.885	212.264.885	-	-
Công ty TNHH Hiệp Tiến	229.380.162	229.380.162	-	-
Các đối tượng khác	911.810.056	911.810.056	1.057.038.238	1.057.038.238
Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm mục 9	-	-	2.581.379.801	2.581.379.801
<b>Cộng</b>	<b>1.817.539.670</b>	<b>1.817.539.670</b>	<b>4.398.254.201</b>	<b>4.398.254.201</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Công ty TNHH Tân Thành	500.000.000	-
Công ty CP Xây Dựng và Đầu Tư 501	50.000.000	-
Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm mục 9	40.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>590.000.000</b>	<b>-</b>

**5.13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2016 VND		Trong năm VND		Tại ngày 31/12/2016 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	1.135.036.255	3.039.382.297	2.821.938.046	-	1.352.480.506
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	348.874.345	538.014.322	348.874.345	-	538.014.322
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.615.176	-	1.615.176	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	71.803.200	141.755.696	69.952.496	-
Các loại thuế khác	-	-	5.172.516	5.172.516	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.485.525.776</b>	<b>3.654.372.335</b>	<b>3.319.355.779</b>	<b>69.952.496</b>	<b>1.890.494.828</b>

**5.14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Doanh thu cho thuê trạm BTS	60.000.003	87.272.727
<b>Cộng</b>	<b>60.000.003</b>	<b>87.272.727</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.15. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Kinh phí công đoàn	13.228.207	150.223
Lãi dự trả	-	1.299.752
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	186.319.199	119.340.719
Phải trả khác	346.816.054	185.797.361
<b>Cộng</b>	<b>546.363.460</b>	<b>306.588.055</b>

**5.16. Vay và nợ thuê tài chính**

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Quảng Nam	-	-	498.249.061	828.572.174	330.323.113	330.323.113
Vay dài hạn đến hạn trả:						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Quảng Nam	210.000.000	210.000.000	210.000.000	210.000.000	210.000.000	210.000.000
<b>Cộng</b>	<b>210.000.000</b>	<b>210.000.000</b>	<b>708.249.061</b>	<b>1.038.572.174</b>	<b>540.323.113</b>	<b>540.323.113</b>
Dài hạn:						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Quảng Nam	157.500.000	157.500.000	-	210.000.000	367.500.000	367.500.000
<b>Cộng</b>	<b>157.500.000</b>	<b>157.500.000</b>	<b>-</b>	<b>210.000.000</b>	<b>367.500.000</b>	<b>367.500.000</b>

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam theo hợp đồng tín dụng số 02/2015/586687/HĐTD với hạn mức 630.000.000 đồng để đầu tư mua 01 xe ô tô tải Hino Seri 500 + thùng lửng, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất vay 9,5%/năm (được áp dụng trong 3 tháng đầu tiên, sau đó thay đổi theo từng thời kỳ), khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.17. Vốn chủ sở hữu**

**5.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	LNST chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2015	15.000.000.000	6.673.350.000	962.029.787	22.635.379.787
Lãi trong năm trước	-	-	1.514.321.226	1.514.321.226
Giảm trong năm trước	-	-	(962.029.787)	(962.029.787)
Tại ngày 01/01/2016	15.000.000.000	6.673.350.000	1.514.321.226	23.187.671.226
Lãi trong năm nay	-	-	2.184.632.026	2.184.632.026
Giảm trong năm nay	-	-	(1.514.321.226)	(1.514.321.226)
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>6.673.350.000</b>	<b>2.184.632.026</b>	<b>23.857.982.026</b>

**5.17.2. Chi tiết vốn góp chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Bưu điện Tỉnh Quảng Nam	180.000.000	180.000.000
Công ty CP Tập đoàn QT ABC	770.000.000	770.000.000
Công ty CP Đầu tư TTN Việt Nam	720.000.000	720.000.000
Tập đoàn BC-VT Việt Nam	4.900.000.000	4.900.000.000
Các cổ đông khác	8.430.000.000	8.430.000.000
<b>Cộng</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>15.000.000.000</b>

**5.17.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
Vốn góp đầu năm	15.000.000.000	15.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	15.000.000.000	15.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.350.000.000	750.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.17.4. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng:	15.000.000	15.000.000
Bao gồm: Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ):	-	-
Bao gồm: Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	15.000.000	15.000.000
Bao gồm: Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

**5.17.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.184.632.026	1.514.321.226
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	88.605.165
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	1.425.716.061
	1.500.000	1.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	1.500.000	1.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.456</b>	<b>950</b>

**5.17.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.184.632.026	1.514.321.226
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	88.605.165
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	1.425.716.061
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.500.000	1.500.000
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>	<b>1.456</b>	<b>950</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2016 được tính từ lợi nhuận sau thuế chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi do Điều lệ công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên chưa quy định cụ thể tỉ lệ trích các quỹ này.
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2015 được điều chỉnh từ quỹ Khen thưởng phúc lợi được trích theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 số 13/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/04/2016.

**5.18. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	1.514.321.226	962.029.787
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.184.632.026	1.514.321.226
Phân phối lợi nhuận	1.514.321.226	962.029.787
Phân phối lợi nhuận năm trước	1.514.321.226	962.029.787
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	88.605.165	76.846.058
- Thù lao HĐQT, BKS	75.716.061	135.183.729
- Trả cổ tức	1.350.000.000	750.000.000
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>2.184.632.026</b>	<b>1.514.321.226</b>

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm trước theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 số 13/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/04/2016 với phương án trả cổ tức năm 2015 bằng tiền là 9%/vốn điều lệ (tương ứng với 1.350.000.000 đồng).

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán thành phẩm	23.640.000	532.550.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	410.040.000	327.392.728
Doanh thu hợp đồng xây dựng	27.643.749.484	16.069.428.021
Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng	3.075.345.787	5.053.351.256
<b>Cộng</b>	<b>31.152.775.271</b>	<b>21.982.722.005</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>
Giá vốn thành phẩm	173.395.014	573.434.294
Giá vốn cung cấp dịch vụ	149.250.117	143.958.337
Giá vốn hoạt động xây dựng	23.330.035.516	13.515.429.973
Giá vốn cho thuê cơ sở hạ tầng	2.369.684.844	3.532.951.829
<b>Cộng</b>	<b><u>26.022.365.491</u></b>	<b><u>17.765.774.433</u></b>

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.960.645	22.483.686
<b>Cộng</b>	<b><u>4.960.645</u></b>	<b><u>22.483.686</u></b>

**6.4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>
Chi phí lãi vay	61.513.770	20.862.887
Trích dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	40.860	45.900
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	-	(5.815.274)
<b>Cộng</b>	<b><u>61.554.630</u></b>	<b><u>15.093.513</u></b>

**6.5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.147.600	52.885.602
<b>Cộng</b>	<b><u>9.147.600</u></b>	<b><u>52.885.602</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>
Chi phí nhân viên quản lý	1.191.461.812	652.824.817
Chi phí vật liệu, công cụ	129.329.986	136.240.391
Chi phí khấu hao tài sản cố định	96.490.560	104.849.645
Chi phí dịch vụ mua ngoài	338.775.026	263.585.140
Các khoản chi phí QLDN khác	666.086.503	602.899.176
<b>Cộng</b>	<b><u>2.422.143.687</u></b>	<b><u>1.760.399.169</u></b>

**6.7. Thu nhập khác**

	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	45.454.545	-
Thu tiền điện	100.201.779	92.997.098
Tiền phạt thu được	-	45.663.750
Thu nhập khác	48.103.869	499.752
<b>Cộng</b>	<b><u>193.760.193</u></b>	<b><u>139.160.600</u></b>

**6.8. Chi phí khác**

	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>
Chi phí quản lý Công ty niêm yết	5.000.000	20.000.000
Các khoản bị phạt	4.212.922	153.571.043
Chi hệ tiền điện	100.201.779	92.997.098
Truy thu thuế GTGT	-	157.116.044
Các khoản khác	4.223.652	3.661.710
<b>Cộng</b>	<b><u>113.638.353</u></b>	<b><u>427.345.895</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	2.722.646.348	2.122.867.679
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	13.436.574	320.687.087
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	46.011.313	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	2.690.071.609	2.443.554.766
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	22%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	538.014.322	537.582.049
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	70.964.404
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>538.014.322</b>	<b>608.546.453</b>

**6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.832.795.483	3.296.195.568
Chi phí nhân công	13.652.839.978	7.815.829.575
Chi phí khấu hao tài sản cố định	544.549.808	410.843.289
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.274.682.751	10.466.088.035
Chi phí khác bằng tiền	1.180.200.670	1.118.842.934
<b>Cộng</b>	<b>28.485.068.690</b>	<b>23.107.799.401</b>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**

**7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	498.249.061	960.323.113
<b>Cộng</b>	<b>498.249.061</b>	<b>960.323.113</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.038.572.174	752.500.000
<b>Cộng</b>	<b>1.038.572.174</b>	<b>752.500.000</b>

**8. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Xây dựng;
- Bất động sản;
- Dịch vụ;
- Bán thành phẩm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VIÊN THÔNG**

Đường Phan Bội Châu, Phường Tân Thành,  
Thị trấn Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Xây dựng		Bất động sản		Dịch vụ		Bán thành phẩm		Tổng cộng	
	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bộ phận	27.843.749.484	18.089.428.021	3.075.345.787	5.053.351.256	410.040.000	327.392.728	23.840.000	532.550.000	31.152.775.271	21.992.722.005
Chi phí bộ phận	23.330.035.516	13.515.429.973	2.369.684.844	3.532.351.829	145.250.117	143.698.337	173.395.014	579.434.394	26.022.365.491	17.765.774.433
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	2.431.291.287	1.812.294.771
<b>Lãi (lỗ) hoạt động KD</b>	<b>4.313.713.968</b>	<b>2.553.998.048</b>	<b>705.660.943</b>	<b>1.520.399.427</b>	<b>260.789.883</b>	<b>183.424.391</b>	<b>(149.755.014)</b>	<b>(40.884.294)</b>	<b>2.699.118.493</b>	<b>2.403.662.801</b>
Doanh thu hoạt động TC	-	-	-	-	-	-	-	-	4.960.845	22.483.686
Chi phí hoạt động TC	-	-	-	-	-	-	-	-	61.554.530	15.093.513
<b>Lãi (lỗ) hoạt động tài chính</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(56.593.685)</b>	<b>7.390.173</b>
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	-	-	199.760.193	139.160.600
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	-	-	113.638.353	427.345.695
<b>Lãi (lỗ) hoạt động khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>80.121.840</b>	<b>(288.185.295)</b>
Lợi nhuận trước thuế	4.313.713.968	2.553.998.048	705.660.943	1.520.399.427	260.789.883	183.424.391	(149.755.014)	(40.884.294)	2.722.846.348	2.122.867.679
Thuế TNCN	-	-	-	-	-	-	-	-	538.014.322	698.546.653
Lợi nhuận sau thuế TNCN	4.313.713.968	2.553.998.048	705.660.943	1.520.399.427	260.789.883	183.424.391	(149.755.014)	(40.884.294)	2.184.832.026	1.514.321.226

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
VA PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VIÊN THÔNG**

Đường Phan Bội Châu, Phường Tân Thành,  
Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Các thông tin khác**

	Xây dựng		Bất động sản		Dịch vụ		Bán thành phẩm		Tổng cộng	
	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu khách hàng	11.067.740.026	14.916.816.791	-	-	114.000.000	365.706.697	1.261.761.402	1.261.761.402	12.443.567.428	16.544.338.890
Tài sản cố định	8.960.790.046	7.498.629.687	577.130.719	577.130.719	-	-	-	-	9.537.910.765	9.756.046.871
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	10.551.547.861	6.476.404.871
<b>Tổng tài sản</b>	<b>11.067.740.026</b>	<b>14.916.816.791</b>	<b>114.000.000</b>	<b>114.000.000</b>	<b>365.706.697</b>	<b>1.261.761.402</b>	<b>1.261.761.402</b>	<b>32.532.666.074</b>	<b>32.776.796.632</b>	
Nợ phải trả	8.359.919.453	8.882.627.034	244.137.332	508.296.195	60.000.003	87.272.727	10.921.260	10.921.260	8.674.976.048	9.589.119.206
<b>Tổng nợ</b>	<b>8.359.919.453</b>	<b>8.882.627.034</b>	<b>244.137.332</b>	<b>508.296.195</b>	<b>60.000.003</b>	<b>87.272.727</b>	<b>10.921.260</b>	<b>10.921.260</b>	<b>8.674.976.048</b>	<b>9.589.119.206</b>

11.01.16.11.11.11.11.11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

- Công ty CP Xây dựng NET Quảng Nam
- HDQT và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Công ty liên kết  
Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải trả với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải trả:		
Công ty CP Xây dựng NET Quảng Nam	40.000.000	-
<b>Cộng – Xem thêm ở mục 5.12</b>	<b>40.000.000</b>	<b>-</b>

Thủ lao của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thủ lao và thu nhập	325.783.174	249.253.018

10. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản vay, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Công ty.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Công ty có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.
- Rủi ro thị trường: Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Công ty có thể có các rủi ro thị trường sau:
  - + Rủi ro lãi suất
  - + Rủi ro tiền tệ

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Công ty. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất;



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

- Công ty có thể đầu tư cổ phiếu và các công cụ tương tự chỉ trong trường hợp có tiền nhàn rỗi tạm thời và các giao dịch này phải được HĐQT phê duyệt.

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tài sản tài chính:		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.479.720.603	1.550.988.671
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.536.900.554	17.462.427.101
Đầu tư tài chính	200.019.440	200.060.300
<b>Cộng</b>	<b><u>19.216.640.597</u></b>	<b><u>19.213.476.072</u></b>
Công nợ tài chính:		
Các khoản vay	367.500.000	907.823.113
Phải trả người bán và phải trả khác	2.350.674.923	4.704.692.033
<b>Cộng</b>	<b><u>2.718.174.923</u></b>	<b><u>5.612.515.146</u></b>

**Rủi ro thanh khoản**

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng.

	Vay VND	Nợ phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	210.000.000	2.350.674.923	2.560.674.923
Từ 1 - 3 năm	157.500.000	-	157.500.000
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b><u>367.500.000</u></b>	<b><u>2.350.674.923</u></b>	<b><u>2.718.174.923</u></b>
	Vay VND	Nợ phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	540.323.113	4.704.692.033	5.245.015.146
Từ 1 - 3 năm	367.500.000	-	367.500.000
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>	<b><u>907.823.113</u></b>	<b><u>4.704.692.033</u></b>	<b><u>5.612.515.146</u></b>

Công ty dự kiến sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ khi đến hạn. Để đáp ứng các cam kết thanh toán này, Công ty dự kiến các hoạt động kinh doanh sẽ tạo ra đủ dòng tiền vào. Ngoài ra, Công ty đang nắm giữ các tài sản tài chính có thị trường thanh khoản và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Rủi ro lãi suất**

Công ty không chịu rủi ro lãi suất đối với các hợp đồng vay. Bảng dưới đây cung cấp chi tiết các khoản nợ theo từng loại lãi suất:

	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>
Nợ tài chính:		
Theo lãi suất thả nổi	367.500.000	907.823.113
<b>Cộng</b>	<b><u>367.500.000</u></b>	<b><u>907.823.113</u></b>

**Rủi ro về giá các khoản đầu tư chứng khoán vốn**

Như được nêu trong chính sách rủi ro tài chính của Công ty đã được HĐQT phê duyệt, Công ty chỉ đầu tư các thanh khoản tạm thời nhân rủi vào cổ phiếu và các công cụ tương tự. Công ty bị cầm đầu tư vào các công cụ phái sinh nhằm mục đích đầu cơ.

**11. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Trần Hoài Thanh  
Tổng Giám đốc

Quảng Nam, ngày 15 tháng 03 năm 2017

Nguyễn Thị Hoài Nhân  
Kế toán trưởng

Phạm Thị Trúc Linh  
Người lập



**HỢP TÁC CÙNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**  
**COOPERATION FOR SUSTAINABLE DEVELOPMENT**



**QTC**  
ISO 9001:2008